TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1004/2019/DSPT
Ngày: 11/11/2019
Về việc Tranh chấp lối đi chung,
cản trở quyền sở hữu nhà

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Đỗ Thị Hòa

2. Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10 và ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 400/2019/TLDS-PT ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp lối đi chung, cản trở quyền sở hữu nhà";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4164/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 8154/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1960 (Có mặt);

Bà Đinh Thị H, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà H: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà T, đường B, phường P, Thị xã M, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà T1, đường S1, tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn Đ: Ông Võ Minh M, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà T2, đường K, phường 7, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà T3 đường S1, tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Ông Bùi Văn Th1, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc S: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ Y, ấp 4A, xã M, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

3.5 Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ Y, ấp 4A, xã M, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

3.6 Ông Trương Hữu L1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ R, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7 Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ R, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8 Ông Phạm Văn X, sinh năm 1944 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp 1, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9 Ông Phạm Quang Ch, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10 Bà Nguyễn Diệu Ph, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 17 đường S1 (nay là đường D), tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng:

4.1 Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà E, đường S1 (nay là đường D), tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2 Ông Huỳnh L3, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường S1 (nay là đường D), tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3 Ông Phạm Hữu H2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I đường P, phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.4 Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2014, nguyên đơn ông Phạm Văn Th và bà Đinh Thị H trình bày sự việc như sau:

Năm 2009, nguyên đơn có mua 01 căn nhà tọa lạc trên phần đất diện tích 372,5m^2 tại xã M, huyện C (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất), lúc đó khu đất giáp 02 con đường, trong đó mặt tiền căn nhà giáp đường S1, phía cuối đất giáp với đường đất đang tranh chấp. Ngày 17/01/2014, vợ chồng nguyên đơn được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy phép xây dựng số: 76/GPXD, theo đó, nguyên đơn có xây thêm 01 căn nhà có hướng cửa chính trổ ra con đường đất đang tranh chấp, chỉ giới xây dựng lộ giới đường đất là 6m, tính từ tim đường ra mỗi bên 3m. Khi xây nhà, nguyên đơn phải lùi vào trong đất của mình là 1,5m x 8,94m = 13,41m^2.

Nhà nguyên đơn khi mua đã có sẵn cổng mở ra đường phía sau rộng 2m, có xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố cũ và Tổ trưởng Tổ dân phố mới, cùng các hộ nhà xung quanh và chủ nhà cũ đã bán cho nguyên đơn.

Ngày 25/01/2014, ông Nguyễn Tấn Đ (nhà ở phía trong nhà nguyên đơn) ngang nhiên xây trụ bê tông, giăng dây kẽm gai chắn ngang toàn bộ lối ra nơi cổng chính của căn nhà mới xây.

Vì thế, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ tháo dỡ hàng rào và yêu cầu công nhận con đường đất này là lối đi chung để gia đình nguyên đơn được phép sử dụng.

Theo biên bản làm việc ngày 21/01/2019, nguyên đơn ông Th và bà H xác định căn nhà xây hướng ra đường tranh chấp là tài sản của vợ chồng ông Th, bà H, không phải nhà của bà Phạm Bích L3 (con của ông Th, bà H).

Ông Phạm Văn Th và bà Đinh Thị H đồng ý hỗ trợ công sức tôn tạo, mở rộng lối đi chung với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 19/8/2014, bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ trình bày như sau:

Thửa đất của ông Th thuộc lô đất ở phía ngoài, từ trước năm 1975 đến nay có đường đi là đường S1 rộng 6m. Lô đất này trước đây 10 năm, chủ sở hữu là

ông Bùi Văn Th1. Lô đất của gia đình ông do ông bà để lại ở phía trong (gồm các thửa 118, 119, 120, 121, 122, 123 tờ bản đồ số 2, thửa 47, 48, 49 bản đồ số). Giữa 2 lô đất có đường mương ranh thoát nước rộng 0,4m. Để giao thông với bên ngoài, trên khu đất gia đình ông đã đắp một đường đi nội bộ. Sau năm 1975 đường đi là một bờ đất rộng 0,8m. Đến năm 1999, các hộ trên khu đất mở rộng con đường lên 1,2m và có chỗ rộng 1,4m (Bản đồ 02 và bản đồ số thể hiện điều đó).

Đây là đường nội bộ từ trước giải phóng 1975 đến nay, chỉ sử dụng đi lại cho 4 hộ, hoàn toàn không liên quan đến khu đất phía ngoài có thửa đất của ông Th. Trong lần hòa giải ở ấp, ông Trương Văn H3, Trưởng Ban nhân dân ấp kết luận: Đường đi nội bộ là thuộc trên khu đất của 4 hộ do ông bà để lại (biên bản hòa giải ở ấp ngày 12/02/2014). Hơn nữa trên bản đồ địa chính cũng thể hiện rõ con đường nội bộ thuộc lô đất của 4 hộ (bản đồ 02, bản đồ số, bản đồ đo đạc hiện trạng).

Khi ông Th mua thửa đất vào năm 2009 thì phía sau thửa đất đã có sẵn tường rào xây từ chủ trước ngăn cách với đường nội bộ. Ranh giới ngăn cách giữa khu đất của ông Th và đường nội bộ là đường mương, ranh hiện nay là đường cống thoát nước rộng 0,4m. Đường mương này có từ trước 1975 và hiện nay vẫn còn hiện hữu (Bản đồ đo đạc hiện trạng có thể hiện). Đường mương ranh thoát nước vẫn thuộc sở hữu của ông Th1.

Chính vì đây là đường nội bộ nên tháng 11/2012, 04 hộ có xin phép Ủy ban nhân dân xã M mở rộng đường đi nội bộ. Sau khi khảo sát, cán bộ địa chính yêu cầu phải có chữ ký của các hộ liên quan đến đường mương thoát nước để khi có sự cố xảy ra như sập tường rào, nghẹt mương cống thoát nước khi mở đường thì phải chịu trách nhiệm. Sau đó Ủy ban nhân dân xã M phê duyệt chấp thuận. Vì vậy, 4 hộ mới đóng góp đất, bỏ tiền sang nhượng đất và mua vật liệu để đắp, cải tạo mở rộng đường 2,8m như hiện nay.

Từ giải phóng 1975 đến nay là 39 năm, con đường nội bộ được mở rộng nhiều lần từ 0,8m lên 1,2m và hiện nay 2,8m nhưng đều mở rộng về một phía bên khu đất của gia đình ông, còn khu đất phía ngoài có thửa đất của ông Th thì không hề mất 1 tấc đất nào vào con đường này. Nhà ông Th có con đường sử dụng từ trước đến nay là đường S1.

Việc ông Th cho rằng nhà ông Th được trổ cửa đi ra con đường phía sau vì có giấy phép xây dựng nhưng giấy phép xây dựng đó có nhiều bất cập, khuất tất gây ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Chính vì vậy, 4 hộ có gửi đơn khiếu nại vào ngày 15/5/2014 đến Ủy ban nhân dân huyện C, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Phòng Quản lý Thanh tra Xây dựng huyện C để chờ xem xét giải quyết. Sự bất cập trong việc cấp giấy phép nhà ông Th có thể thấy được là:

- Sau khi cải tạo con đường lên 2,8m thì ông Th tiến hành chuyển mục đích phần đất phía sau và xây nhà. Tháng 7/2013, ông Th đập tường rào ngăn cách định trổ cửa căn nhà đang xây đi ra đường nội bộ. Tháng 8/2013, gia đình

ông có đơn khiếu nại gửi chính quyền địa phương giải quyết. Sau khi hòa giải ở Tổ nhân dân, ông Th trình bày rằng ông Th sẽ không đi trên đường nội bộ nên gia đình ông không khiếu nại tiếp. Cuối tháng 12/2013, ông Th xây hoàn chỉnh căn nhà và tiến hành xin giấy phép xây dựng để hợp thức hóa việc xây dựng căn nhà. Sau khi có giấy phép xây dựng vào tháng 01/2014, ông Th gửi đơn khiếu nại về việc ông không cho ông Th mở cửa để đi trên đường nội bộ.

- Ông Th xây căn nhà 2 tầng kiên cố sát với đường nội bộ, sau đó chính quyền mới cấp phép xây dựng. Việc cấp phép như vậy là sai quy định.

- Chính quyền địa phương xã M chấp thuận đơn xin của 4 hộ được phép nâng cấp mở rộng đường nội bộ, nhưng đồng thời sau đó lại xác nhận phê duyệt cấp phép xây dựng căn nhà ông Th, để ông Th dựa vào đó cho rằng ông Th có quyền trổ cửa nhà ra đường nội bộ trong khi thửa đất ông Th xưa nay không hề sử dụng đường này, điều đó vi phạm rất lớn đến quyền lợi của 4 hộ.

Trong những lần hòa giải ở ấp và xã, gia đình ông có thiện ý là ông Th đóng góp tiền tương xứng với số tiền mà gia đình ông đã bỏ ra để cùng đi chung con đường nhưng ông Th không đồng ý, vì ông Th cho rằng căn nhà được chính quyền cấp phép xây dựng nên có quyền đi trên đường nội bộ. Chính vì giấy phép xây dựng có nhiều khuất tất như đã nêu ở trên nên 4 hộ có đơn khiếu nại chờ giải quyết.

Đường đi đang tranh chấp là đường đi nội bộ do các hộ trong họ tộc của vợ bị đơn tự chừa ra để 04 hộ sử dụng, đó là hộ ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị L2, ông Phạm Văn X và bị đơn sử dụng. Do con đường này rất nhỏ và xuống cấp nên vào năm 2012, gia đình bị đơn có mua thêm phần đất khoảng 40m^2 của ông Bùi Văn Th1 với giá 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) để mở rộng đường. Sau đó, bị đơn đầu tư đổ đất và đá mi, chi phí khoảng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), 03 hộ còn lại tuy không góp tiền nhưng cũng góp đất, góp sức mở rộng và nâng cấp con đường. Việc đầu tư nâng cấp con đường nội bộ của bị đơn đã được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã M. Hộ ông Th, bà H đã có lối đi công cộng của Nhà nước là đường S1 (nay là đường D). Nguyên đơn xây thêm căn nhà trổ cửa chính ra con đường đi nội bộ trong khi chưa được sự đồng ý của các hộ đang sử dụng là không đúng. Ông không chấp nhận yêu cầu của ông Th và bà H.

Bà Phạm Thị Thu T1 là người đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ thống nhất với lời khai của chồng bà. Việc đầu tư, mua đất, nâng cấp, mở rộng con đường, vợ chồng bà đã bỏ ra là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng). Bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Tấn Đ.

Việc ông Th thưa chồng bà với lý do cản trở quyền sở hữu nhà là không đúng. Chồng bà rào hàng rào trên phần đất và đường hợp pháp của 4 hộ là ý kiến thống nhất của 4 hộ.

Chồng bà có nêu đường mương ranh và con đường là đúng. Trước thời điểm năm 2005, đường mương ranh này vẫn còn, bà có hình ảnh để chứng minh. Từ năm 2005, ông Bùi Văn Th1 bán đất thì đường mương này được đặt cống và lấp lại liền với con đường, chỉ còn lại vài khoảng là chừa đặt cống thoát nước. Cho đến tháng 11/2012, khi 4 hộ nâng cấp mở rộng đường thì mới đặt cống thông suốt đến thửa đất còn lại của ông Th1.

Bức tường rào sau đất ông Th được xây từ chủ đất đầu tiên, ngoài tường rào là mương cống thoát nước và cũng là ranh giới rạch ròi giữa 2 khu đất. Ông Th đã xây dựng hết đất của ông Th, lấy luôn tường rào để làm cửa nhà. Ngày 23/8/2013, ông Th phá tường rào, gắn cửa thông với đường nội bộ nên 4 hộ có làm đơn khiếu nại. Thời điểm này, căn nhà ông Th xây dựng là hoàn toàn trái phép. Đến ngày 17/01/2014 sau khi xây dựng hoàn chỉnh, ông Th mới lo giấy phép xây dựng. Đến nay, mặc dù gia đình bà có đến Phòng tiếp dân của huyện nhiều lần nhưng vẫn chưa có được văn bản trả lời giải quyết thỏa đáng.

Ngày 22/01/2015, vợ chồng bà đến Phòng tiếp dân huyện và được biết ngày 13/6/2014, trên huyện có văn bản gửi Ủy ban nhân dân xã đề nghị giải quyết về việc sai phạm trong giấy phép xây dựng của ông Th, nhưng cho đến nay sự việc vẫn như cũ. Ông Th đã cố tình xây quá diện tích cho phép để lấy luôn tường rào, để căn nhà thông với đường nội bộ, mới có cớ gọi là đường đi chung, vì nếu ông Th xây dựng theo đúng giấy phép thì đâu có chuyện đập tường để phá dỡ hàng rào ranh giới đã rạch ròi từ trước.

Qua nhiều lần hòa giải ở cấp cơ sở, các cán bộ ban ngành đều nhắc nhở và đề cập với gia đình bà về tình làng nghĩa xóm: Bao nhiêu năm ông Th sống tại đây, giữa gia đình bà và gia đình ông Th chưa một lần bước tới nhà thăm viếng hoặc chạm mặt nhau ở ngoài đường cũng không chào hỏi thì sao gọi là hàng xóm láng giềng. Hơn nữa, 4 hộ đã bỏ công sức, tiền của ra để cải tạo con đường như ngày hôm nay nhưng sau khi rào cản không cho vợ chồng ông Th đi đường nội bộ thì vợ chồng bà bị vợ chồng ông Th thóa mạ, xúc phạm trước sự chứng kiến của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ 1, ấp 4A, xã M.

Qua nhiều lần tranh chấp cải vã, bà và gia đình không thể nào mở lòng để mang tình làng nghĩa xóm ra hòa giải.

Theo bản tự khai ngày 28/01/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1 trình bày sự việc như sau:

Ông (Bùi Văn Th1) xác nhận con đường đi đang tranh chấp có nguồn gốc là của mẹ ông Th1 là bà Nguyễn Thị N và của bà Trần Thị X2. Trước đây, gia đình ông Th1 và gia đình bà X2 đã thống nhất giải quyết tranh chấp về con đường đi này tại Ủy ban nhân dân xã M với nội dung như sau: Gia đình bà X2 đã tự nguyện cắm mốc phân ranh đất, còn lại toàn bộ con đường này là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Th1. Sau này, ông Th1 được thừa hưởng toàn bộ phần đất này từ bà N.

Con đường được sử dụng ổn định thì ông đã bán thêm một số đất của ông cho vợ chồng ông Đ tiếp tục mở rộng, tu bổ con đường, vì thế lối đi này là lối đi nội bộ của các hộ: Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Tấn Đ, Phạm Văn X, không gồm khu đất phía trên giáp mặt tiền đường S1 trong đó có hộ ông Th, bà H. Nội bộ đã thống nhất giao toàn bộ con đường cho ông Đ và bà T1 đại diện quản lý, việc nguyên đơn khởi kiện cho rằng đường đi tranh chấp là lối đi chung là không đúng, đó là lối đi nội bộ thuộc quản lý của các hộ nêu trên.

Theo bản tự khai ngày 01/7/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn X trình bày:

Ông đại diện cho hộ gia đình ông gồm: Nguyễn Thị D (vợ ông), Phạm Thanh D1 (con trai ông), Nguyễn Thị Thu Th3 (con dâu), Phạm Thị Thu T1 (con gái) và Nguyễn Tấn Đ (con rể) có ý kiến như sau:

Gia đình ông và gia đình con gái ông (Phạm Thị Thu T1, Nguyễn Tấn Đ) và 02 hộ còn lại chỉ có độc nhất con đường để lưu thông ra vào. Chính ông là người đã từng dày công xây đắp tạo dựng từ lô đất của dòng họ ông, phần mộ của ông bà ông còn nằm ở bên cạnh đường đi (trong thửa đất ông Nguyễn Ngọc S sở hữu). Ngày xưa con đường rất nhỏ, sau ông bồi đắp lớn dần. Đoạn đường từ nhà ông đi ra nay giáp với đất ông Th1 bởi đường mương 4cm. Đường mương thoát nước này vừa là để thoát nước cho lô đất của ông Th1, vừa là đường mương ranh. Từ khi ông còn nhỏ, cha mẹ ông Th1 còn sống đã phân định đường mương này, cả 2 chủ của 2 lô đất không có bất cứ tranh chấp gì. Trong bản đồ 02 không có đoạn đường này, qua nhiều lần đo vẽ địa chính và thay đổi bản đồ, ở đâu có đường đi là người ta vẽ vào chứ không tìm hiểu nguồn gốc đất từ đâu. Bằng chứng là nhìn vào bản đồ kỹ thuật số thấy rõ đoạn đường này nằm về phía lô đất gia đình ông.

Trước tháng 11/2012, đoạn đường này chỉ rộng từ 1,2m đến 1,6m. Gia đình ông bỏ ra từng xe ba gác đất đá để gia cố. Tháng 11/2012, ông gia cố nâng cấp, mở rộng con đường, trong đó có mua thêm đất. Trước khi thi công, ông có giao cho con gái ông là Phạm Thị Thu T1 và con rể là Nguyễn Tấn Đ đứng ra làm đơn xin phép nâng cấp mở rộng đường và nêu rõ là đường đi nội bộ.

Khi ông Th tới ở, phần đất ông Th đã có tường rào sẵn. Đường mương ranh nằm phía ngoài tường rào đã được chủ trước đặt cống thoát nước, tường rào cũng được chủ trước xây. Tháng 7/2013, ông Th xây nhà ở, đập tường rào làm mặt tiền nhà trổ ra đường đi nội bộ của gia đình ông mặc dù ông Th đã có lối đi đường S1. Việc này gây bức xúc cho gia đình ông và những người trong dòng họ. Các hộ thống nhất lập hàng rào khác để thể hiện hàng rào ranh ngăn cách với đất ông Th.

Nếu ông Th, bà H muốn sử dụng đường đi của người khác thì phải thương lượng hay hùn hạp gì đó để được đi. Đã kiện ra Tòa án thì bên ông không chấp nhận thương lượng.

Theo bản tự khai ngày 05/02/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Năm 2010, bà có mua 1 căn nhà và thửa đất của ông Nguyễn Văn M2, thửa đất số 48 tờ bản đồ 14. Khi bà mua nhà thì phía trước nhà bà đã có 1 con đường rộng 1,2m và đường mương ranh thoát nước rộng 0,4m tiếp giáp với tường rào của thửa đất ở phía trước.

Tháng 9/2012, ông Nguyễn Tấn Đ có đến trao đổi đề nghị bà đóng góp phần đất tiếp giáp với con đường để mở rộng đường đi, bà đồng ý đóng góp phần đất có chiều rộng 1,2m để cùng các hộ trong khu đất mở đường đi nội bộ. Sau đó, 4 hộ trong khu đất gồm: Ông Phạm Văn X, ông Nguyễn Tấn Đ, ông Nguyễn Ngọc S và bà (Nguyễn Thị L2) đã làm đơn xin chính quyền xã M được mở đường đi nội bộ được rộng hơn. Từ tháng 12/2012 đến nay, con đường được mở rộng 2,8m nên tiện lợi trong giao thông đi lại.

Nhà ông Th từ trước đến nay không đi lại trên đường nội bộ nhưng nay lại xây dựng nhà ở phía sau và đòi mở cửa đi ra đường nội bộ do 4 hộ đóng góp mở rộng, điều đó xâm phạm đến quyền lợi 4 hộ. Kính mong quý Tòa xem xét giải quyết để đảm bảo công bằng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của 4 hộ.

Theo bản tự khai ngày 01/7/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L trình bày:

Lô đất gia đình bà nằm phía ngoài giáp đường S1, phía trong giáp đường nội bộ đang tranh chấp, 2 lô đất cách nhau bởi đường mương nước rộng 4cm, đường mương nước này nằm trên diện tích đất của bà, có công dụng thoát nước cho lô đất của gia đình bà.

Năm 2005, chị em bà bán đất cho ông M2, khi đo đạc đã bán hết đất, chỉ chừa lại đường mương để thoát nước. Ông M2 xây tường rào kiên cố và xin phép đặt cống thoát nước ở phía ngoài tường rào ở vị trí mương thoát nước có sẵn. Giữa 2 khu đất của chị em bà và dòng họ ông X có đường mương nước được xem như ranh đất.

Tháng 11/2012, gia đình ông X và ông Đ nâng cấp đoạn đường này, có thông qua ý kiến của chị em bà là cho đặt cống thoát nước 4cm suốt chiều dài đường mương thoát nước để đường rộng hơn và không bị sạt lở sau này.

Ông Th và bà H cho rằng còn 1m đất của ông, bà phía ngoài tường rào là không đúng, vì năm 2005, bà đã bán hết đất của bà, bán tới đâu người mua cắm trụ rào tới đó, hơn nữa đường mương nước ngoài tường rào chị em bà chừa lại để thoát nước là 4cm, vậy 6cm còn lại đã phạm vào đường nội bộ.

Theo bản tự khai ngày 27/6/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ quan ông Phạm Quang Ch trình bày:

Năm 1975 khi về khai hoang, gia đình ông cùng với hộ bà Nguyễn Thị Ch1, Nguyễn Ngọc S đã tự đắp 1 đường đất rộng khoảng 0,8m để đi lại. Con đường này được hình thành trên khu đất của các hộ là bà con gia đình ông chứ

không phải con đường đi chung của 2 khu đất. Chính vì vậy bản đồ 02 không thể hiện đường đi. Trong biên bản hòa giải ở địa phương, ông Trương Văn H3 là Trưởng ấp 4A đã khẳng định, đây là con đường nội bộ trên khu đất của gia đình ông.

Từ năm 1975 đến nay, đường đi nội bộ được mở rộng nhiều lần từ 0,8m, nay là 2,8m đều do các hộ bên khu đất ông đóng góp và tiền của mở rộng đường.

Năm 2009, ông Th về mua đất đã có sẵn căn nhà và phía sau có tường rào ngăn cách với đường đi bên đất gia đình ông. Tháng 11/2012 khi các hộ mở rộng đường lên 2,8m thì ông Th tiến hành xây nhà kiên cố sát tường rào và trổ cửa đi ra đường đi nội bộ. Tháng 8/2013 gia đình ông có đơn khiếu nại thì ông Th trình bày là ông không đi đường này nên gia đình ông không khiếu nại nữa. Một mặt nói không đi nhưng một mặt ông Th tiến hành thủ tục xin cấp phép xây dựng và khi có giấy phép xây dựng thì ông Th tiếp tục đập tường, trổ cửa ra đường nội bộ, sau đó khởi kiện ra Tòa án.

Việc ông Th khởi kiện là không hợp lý vì:

+ Đây là đường nội bộ bên khu đất của gia đình ông.

+ Quá trình mở rộng đường, gia đình ông Th không hề liên quan.

+ Giấy phép xây dựng của ông Th có nhiều bất cập, quy trình cấp phép sai, vì chính quyền cấp phép cho ông Th xây nhà chứ không cấp phép mở cửa đi ra đường nội bộ, vì nếu phần xây dựng nhà của ông Th mở cửa ra đường nội bộ thì việc sai phạm chỉ giới xây dựng sẽ giải quyết như thế nào để thể hiện sự tuân thủ pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 21/8/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H1 trình bày:

Đường nội bộ hình thành trên khu đất của 4 hộ, là đường đi nội bộ, không liên quan đến các hộ ở khu đất phía ngoài. Sau giải phóng 1975, đường nội bộ chỉ có chiều rộng 0,8m, đến năm 1999 mở rộng lên 1,2m và đến tháng 11/2012, sau khi xin phép chính quyền địa phương thì đường được mở rộng lên 2,8m (bao gồm đường cống thoát nước của ông Bùi Văn Th1 là 0,4m).

Ranh giới giữa 2 khu đất là đường mương ranh thoát nước từ xưa đến nay vẫn còn hiện hữu. Đặc tính các khu đất này có ranh giới là đường mương ranh. Từ trước đến nay đường được mở rộng về một phía khu đất của gia đình ông. Nếu là đường đi chung thì cớ sao lại mở rộng đường về một phía bên đất của gia đình ông. Trên bản đồ 02 không thể hiện đường nội bộ. Thửa đất nhà ông Th từ xưa đến nay sử dụng đường đi phía trước là đường S1, rộng 6m.

Việc ông Th xây nhà hết đất và mở cửa ra đường nội bộ là phi lý, xâm phạm quyền lợi 4 hộ trên khu đất. Trước khi mở rộng đường vào tháng 11/2012 thì thửa đất ông Th đã có bức tường kiên cố ngăn cách với khu đất phía sau của 4 hộ từ đời chủ trước nhưng khi đường nội bộ được mở rộng thì ông Th tiến

hành xây nhà ở phần đất phía sau, xin giấy phép xây dựng để hợp thức hóa việc xây dựng. Việc cấp phép xây dựng nhà ông Th có nhiều bất cập, về quy trình cấp phép, về chỉ giới xây dựng.

Phía gia đình ông đã có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C và đang chờ giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 06/02/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hữu L1 trình bày:

Con đường này nằm trên khu đất thuộc thửa số 47, 48, 49 tờ bản đồ 14 - KTS. Những hộ sống trên khu đất này có nguồn gốc bà con họ hàng ruột thịt. Thửa đất của ông số 47, thửa 48 của dì ông là bà Nguyễn Thị Ch1 (hiện nay đã bán lại cho bà Nguyễn Thị L2), thửa 49 là của cậu ông (ông Phạm Văn X) và em ông (Phạm Thị Thu T1, Nguyễn Tấn Đ).

Vì khu đất 4 hộ nằm ở phía trong nên để ra bên ngoài thì từ sau giải phóng năm 1975, khi về khai hoang, các hộ đã đắp 1 đường đất rộng 0,8m để đi lại.

Đến năm 1999, gia đình ông X chăn nuôi bò sữa, thường vận chuyển thức ăn cho bò bằng xe máy nên ông đã phá hàng cây và san lấp mở rộng con đường lên 1,2m để gia đình ông X thuận tiện đi lại.

Tháng 9/2012, Nguyễn Tấn Đ có đến trao đổi, đề nghị ông góp thêm phần đất cạnh con đường để mở rộng con đường (dự kiến 2,5m). Ông đồng ý và ký tên vào đơn xin đổ đường với 4 hộ. Sau đó ông Đ mở rộng con đường lên 2,5m cho đến nay.

Việc ông Th xây nhà hết đất và mở cửa ra đường nội bộ là phi lý, xâm phạm quyền lợi 4 hộ trên khu đất.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019, bà Nguyễn Thị Th2 là người làm chứng trình bày:

Giữa bà và gia đình ông Th, bà H không có mối quan hệ bà con gì. Đất của bà kế cận đất của ông Th, bà H.

Ông Th và bà H có 02 căn nhà, 01 căn nhà hướng ra đường S1 (nay là đường D) và 01 căn hướng ra đường tranh chấp. Căn nhà mặt tiền đường S1 (nay là đường D), khi vợ chồng ông Th mua đã có sẵn căn nhà, còn căn nhà cất sau thì hướng ra đường tranh chấp.

Lúc vợ chồng ông Th về đó ở, đã có sẵn con đường mà hai bên đang tranh chấp. Khi vợ chồng ông Th xây nhà phía sau xong thì phía bên ông Đ rào lại không cho nhà ông Th, bà H đi. Bà không có yêu cầu gì.

Ông Huỳnh L3 là người làm chứng trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của vợ ông là bà Nguyễn Thị Th2. Ông không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 195/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn Th và bà Đinh Thị H.

Công nhận lối đi có diện tích 167,6m^2 tọa lạc tại ấp 4A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là lối đi chung, vị trí lối đi chung được tính từ đầu đường S1 (nay là đường D) đến ngã ba giáp với thửa đất số 47 và đoạn đường từ ngã ba rẽ vào bên phải giáp với thửa đất số 47, 48, 64, 505 tờ bản đồ số 14 (theo Bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh lập ngày 24/9/2019, có xác nhận của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/9/2018).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ phải tháo dỡ hàng rào kẽm gai có chiều ngang 8,94m chắn ngang trước cửa căn nhà của ông Phạm Văn Th và bà Đinh Thị H, căn nhà tọa lạc tại Tổ 1, ấp 4A, xã M, huyện C có mặt tiền hướng ra lối đi chung.

Buộc ông Th và bà H phải thanh toán tiền đóng góp nâng cấp, mở rộng lối đi chung cho ông Nguyễn Tấn Đ với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (theo sự tự nguyện của nguyên đơn tại phiên tòa).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của thi hành án) cho đế người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được n khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/7/2019, bà Phạm Thị Thu T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Th và bà Đinh Thị H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Minh M đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử công nhận 167,6m^2 diện tích đất chung là không đúng, vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với căn nhà của nguyên đơn mà ông Đ đã rào chắn ngang phía trước cửa nhà làm cho nguyên đơn không có con đường vào nhà; buộc nguyên đơn bồi thường cho bị đơn 50 triệu đồng là không khách quan và không đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Xác định lối đi tranh chấp có nguồn gốc trước đây là của ông S, bà L2, bà N, bà X2 sau đó phần đất của bà N và bà X2 thuộc quyền sử dụng của ông Th1. Ông Th1 có dành một phần đất làm lối đi chung cho các hộ phía trong. Vào năm 2012, ông Đ và bà T1 có mua thêm phần đất ngang 1,5m, chiều dài 40m của ông Th1 với giá 80.000.000 đồng để mở rộng, nâng cấp đường đi và hình thành từ sự đóng góp đất, tiền của công sức của nhiều người cụ thể là hộ ông Th1, ông Đ, bà T1, ông X, ông S và bà L2. Ông Đ và bà T1 đã bỏ tiền ra mua đất, thuê công thợ để san lấp, tôn tạo, nâng cấp con đường với tổng chi phí 180.000.000 đồng để có được hiện trạng lối đi như hiện nay. Do vậy, đây là lối đi nội bộ của các hộ trong khu đất. Tòa án nhân dân huyện C tuyên buộc nguyên đơn trả cho ông Đ số tiền 50 triệu đồng là không khách quan bởi lẽ con đường đang tranh chấp là công sức và tiền của của rất nhiều người như đã phân tích trên.

Nguyên đơn đã được UBND huyện C cấp giấy phép xây dựng số 76/GPXD, theo công văn số 4017/PQLĐT ngày 16/5/2019 của Phòng quản lý đô thị huyện C cung cấp thì ông Th, bà H được UBND huyện C cấp giấy phép xây dựng căn nhà, trong đó phần cửa chính của căn nhà tiếp giáp với đường trải đá là đường đang tranh chấp.

Nay nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải tháo dỡ hàng rào phía trước căn nhà của nguyên đơn để nguyên đơn được sử dụng lối đi là không được chấp nhận vì con đường tranh chấp là lối đi nội bộ của các hộ dân trên, các hộ trên không đồng ý cho hộ ông Th được sử dụng chung con đường này. Ngoài ra, căn cứ vào bản đồ hiện trạng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Th và bà H cùng lời khai của các đương sự thì phần diện tích đất của nguyên đơn hiện đang sử dụng là con đường S1 (nay là đường D) là đường công cộng mà hộ nguyên đơn vẫn sử dụng từ trước đến nay, phần đất của nguyên đơn không bị bao bọc bởi các bất động sản khác. Do đó, không có cơ sở để buộc phía bị đơn phải tháo dỡ hàng rào để cho nguyên đơn được sử dụng con đường này.

Xét, việc cấp phép trổ cửa trên là chưa đúng quy định vì không có công văn nào của Ủy ban nhân dân xác định con đường tranh chấp là đường công cộng. Do vậy, cần thiết đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là chưa đủ cơ sở giải quyết vụ án.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên 167,6m^2 đất là lối đi chung là vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn vì tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2014: nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc ông Nguyễn Tấn Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với căn nhà chúng tôi vì ông Đ đã rào chắn ngang phía trước cửa nhà chúng tôi làm chúng tôi không có đường vào nhà.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm số 195/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe luật sư và các đương sự trình bày ý kiến tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Thu T1 cho rằng tòa án cấp sơ thẩm xét xử công nhận 167,6m^2 là diện tích đất chung là không đúng, vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với căn nhà của nguyên đơn mà ông Đ đã rào chắn ngang phía trước cửa nhà làm cho nguyên đơn không có con đường vào nhà; buộc nguyên đơn bồi thường cho bị đơn 50 triệu đồng là không khách quan và không đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc lối đi đang tranh chấp trước đây là đường nội bộ từ trước giải phóng 1975 đến nay, chỉ sử dụng đi lại cho 4 hộ dân gồm các hộ ông S, bà L2, bà N, bà X2. Phần đất của bà N và bà X2 thuộc quyền sử dụng của ông Th1. Ông Th1 có dành một phần đất làm lối đi chung cho các hộ phía trong. Vào năm 2012, ông Đ và bà T1 có mua thêm phần đất ngang 1,5m, chiều dài 40m của ông Th1 với giá 80.000.000 đồng để mở rộng, nâng cấp đường đi và hình thành từ sự đóng góp đất, tiền của công sức của nhiều người cụ thể là hộ ông Th1, ông Đ, bà T1, ông X, ông S và bà L2. Ông Đ và bà T1 đã bỏ tiền ra mua đất, thuê công thợ để san lấp, tôn tạo, nâng cấp con đường với tổng chi phí 180.000.000 đồng để có được hiện trạng lối đi như hiện nay, con đường này hoàn toàn không liên quan đến khu đất phía ngoài có thửa đất của ông Th. Chính vì đây là đường nội bộ nên tháng 11/2012, 04 hộ dân có xin phép Ủy ban nhân dân xã M mở rộng đường đi nội bộ, và được Ủy ban nhân dân xã M phê duyệt chấp thuận. Việc ông Th cho rằng nhà ông được trổ cửa đi ra con đường phía sau vì có giấy phép xây dựng là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn trả cho ông Đ số tiền 50 triệu đồng là không khách quan bởi lẽ, con đường đang tranh chấp là công sức và tiền của của rất nhiều người.

Căn cứ vào Công văn số 1074/UBND - ĐC ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C thì nguồn gốc và quá trình sử dụng của lối đi tranh chấp thuộc thửa 144-1, 145-1, 146-1 tờ bản đồ số 6 bộ địa chính xã M, theo tài liệu 02/CT-UB như sau: "*Nguồn gốc hình thành con đường trước năm 1975 là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Phạm Văn X. Đến khoảng năm 1975 gia đình ông X chừa làm đường đi chung. Sau này ông Đ bỏ tiền ra mua thêm một phần đất của ông Th1 có chiều dài 40m, chiều ngang 1,5m với giá 80.000.000 đồng để mở rộng và nâng cấp con đường đi hiện đang tranh chấp*."

Xét, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy phép xây dựng số 76/GPXD cho ông Th, bà H trổ phần cửa chính của căn nhà tiếp giáp với đường trải đá hiện đang tranh chấp, nhưng chưa xác minh cụ thể xem con đường này là đường đi nội bộ hay đường đi công cộng mà đã cấp phép xây dựng cho gia đình nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng hai căn nhà mới xây là của các con ông Th bà H. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 19/01/2019 ông Th khai hai căn nhà này là của vợ chồng ông. Như vậy, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và theo quy định tại khoản 1 Điều 271 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về lối đi chung, thì gia đình ông Th bà H đã có lối đi ra đường D từ trước, không bị bao bọc bởi các bất động sản khác, nên không thể nại lý do hai căn nhà vừa xây dựng không có lối đi để buộc phía bị đơn phải tháo dỡ hàng rào để cho nguyên đơn được sử dụng con đường là chưa thuyết phục.

Xét, việc cấp phép trổ cửa trên là chưa đúng quy định vì không có Công văn nào của Ủy ban nhân dân xác định con đường tranh chấp là đường công cộng. Mặt khác, phía bị đơn có đơn khiếu nại về việc gia đình nguyên đơn xây dựng sai giấy phép xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện C đã có Công văn số 9414/UBND-QLĐT ngày 20/8/2019 giao Ủy ban nhân dân xã M xử lý phần công trình xây dựng phát sinh không phép theo quy định và báo cáo cho Thường trực Ủy ban nhân dân huyện trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày 20/8/2019. Tuy nhiên, đến nay phiên tòa phúc thẩm đã mở ra nhưng vẫn chưa thấy văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã M. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng là chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án.

Ngày 14/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5517/TATP - TDS gửi Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay Ủy ban nhân dân huyện C vẫn chưa có Công văn phản hồi.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2014: nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc ông Nguyễn Tấn Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với căn nhà của nguyên đơn, vì ông Đ đã rào chắn ngang phía trước cửa nhà của nguyên đơn không có đường vào nhà, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên 167,6m^2 đất là lối đi chung là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 195/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thu T1.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 195/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu T1 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0022375 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (Thương/30).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thảo